

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG ĐỒNG THÁP



GIÁO TRÌNH

MÔN HỌC: KINH TẾ VĨ MÔ

NGÀNH, NGHỀ: QUẢN TRỊ DN VỪA VÀ NHỎ

TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 323/QĐ-CD-ĐT, ngày 6 tháng 8 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp)*

Đồng Tháp, năm 2019

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Giáo trình Kinh tế vĩ mô được biên soạn nhằm cung cấp nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản của nền kinh tế về các vấn đề bao gồm: So sánh được sự khác nhau của tổng sản phẩm quốc nội GDP và tổng sản phẩm quốc dân GNP; Định nghĩa được chính sách tài khóa, chính sách ngoại thương, chính sách tiền tệ của chính phủ và các công cụ để thực hiện chính sách tiền tệ; Trình bày được lý thuyết tổng cung và tổng cầu; Xác định được các trường hợp khi nào tổng cung, tổng cầu dịch chuyển; Giải thích được những thay đổi kinh tế ảnh hưởng đến đời sống xã hội như thế nào. Giáo trình này là tài liệu dùng trong giảng dạy và học tập dành cho sinh viên năm thứ nhất khối ngành kinh tế ở trình độ cao đẳng.

Khác với Kinh tế vi mô là tập trung vào việc phân tích các hành vi của các chủ thể kinh tế như người sản xuất, người tiêu dùng, trên từng thị trường riêng biệt. Kinh tế vĩ mô nghiên cứu nền kinh tế một tổng thể, tìm hiểu về các chính sách của chính phủ để điều tiết nền kinh tế. Là tài liệu có tính chất nhập môn, giáo trình này trình bày những vấn đề cơ bản của môn Kinh tế vĩ mô. Nó được biên soạn thành 5 chương. Chương 1 được dành để mô tả các chỉ tiêu để đo lường sản phẩm quốc gia như GDP, GNP, NNP giúp sinh viên làm quen với một số công cụ chung thường được dùng trong phân tích kinh tế. Chương 2 tập trung trình bày về chính sách tài khóa và ngoại thương. Chương 3 đề cập đến tiền tệ và chính sách tiền tệ. Chương 4 được dành để trình bày về tổng cung và tổng cầu, những tác động của thất nghiệp và lạm phát ảnh hưởng thế nào đến đời sống của người dân phát triển ở các chương 5.

Tác giả đã có nhiều cố gắng trong quá trình biên soạn, tuy nhiên vẫn không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của sinh viên và các giảng viên để giáo trình ngày càng hoàn thiện hơn. Chân thành cảm ơn!

Đồng Tháp, ngày 05 tháng 4 năm 2017

Tham gia biên soạn

Chủ biên

Lê Vi Sa

TaiLieu.vn

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 ĐO LƯỜNG THU NHẬP QUỐC GIA	10
1. TỔNG SẢN PHẨM QUỐC NỘI GDP	10
1.1 Khái niệm.....	10
1.2 Cách tính.....	11
1.2 GDP danh nghĩa và GDP thực tế.....	13
2. CÁC CHỈ TIÊU KHÁC	15
2.1 Tổng sản phẩm quốc dân GNP	15
2.2 Chỉ tiêu NNP, NI.....	17
CHƯƠNG 2 CHÍNH SÁCH TÀI KHOẢN VÀ NGOẠI THƯƠNG	20
1. CÁC THÀNH PHẦN CỦA TỔNG CẦU	20
1.1 Tiêu dùng	20
1.2 Đầu tư	22
1.3 Chi tiêu của chính phủ	23
1.4 Xuất nhập khẩu và cán cân thương mại	24
2. SẢN LƯỢNG CÂN BẰNG TRONG NỀN KINH TẾ MỞ	26
3. CHÍNH SÁCH TÀI KHOẢN	29
3.1 Công cụ của chính sách tài khoản.....	29
3.2 Mục tiêu và nguyên tắc hoạch định chính sách tài khoản	31
3.3 Các tình trạng của ngân sách	34
4. CHÍNH SÁCH NGOẠI THƯƠNG	34

4.1	Chính sách gia tăng xuất khẩu	35
4.2	Chính sách hạn chế nhập khẩu	35
CHƯƠNG 3 TIỀN TỆ VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ		38
1.	TIỀN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG	38
1.1	Tiền tệ	38
1.2	Hoạt động của hệ thống ngân hàng.....	40
1.3	Số nhân tiền tệ	42
2.	THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ	44
2.1	Cung tiền tệ.....	44
2.2	Cầu tiền tệ	45
2.3	Sự cân bằng trên thị trường tiền tệ	47
2.3	Mô hình IS-LM.....	50
3.	CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ	54
3.1	Mục tiêu của chính sách tiền tệ.....	54
3.2	Công cụ của chính sách tiền tệ	55
3.3	Nguyên tắc hoạch định chính sách tiền tệ.....	56
CHƯƠNG 4 TỔNG CUNG VÀ TỔNG CẦU		59
1.	TỔNG CUNG	59
1.1	Đường cung của doanh nghiệp	59
1.2	Sự dịch chuyển đường cung.....	61
2.	TỔNG CẦU	62
2.1	Sự hình thành tổng cầu	62

2.2	Sự dịch chuyển tổng cầu.....	64
3.	SỰ CÂN BẰNG TỔNG CUNG VÀ TỔNG CẦU.....	66
3.1	Trong ngắn hạn	66
3.2	Trong dài hạn	67
CHƯƠNG 5 LẠM PHÁT VÀ THẤT NGHIỆP		72
1.	LẠM PHÁT	72
1.1	Khái niệm.....	72
1.2	Phân loại lạm phát.....	74
1.3	Nguyên nhân gây ra lạm phát	75
1.4	Tác động của lạm phát	77
1.5	Biện pháp chống lạm phát	78
2.	THẤT NGHIỆP	79
2.1	Khái niệm.....	79
2.2	Các dạng thất nghiệp.....	80
2.3	Tác hại của thất nghiệp	83

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: KINH T V MÔ

Mã môn học: CKT208

Thời gian thực hiện môn học: 40 giờ (Lý thuyết: 20 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 18 giờ; Kiểm tra thường xuyên, định kỳ: 2 giờ; Thi/kiểm tra kết thúc môn học: 1 giờ LT, hình thức: Tự luận).

I. VỊ TRÍ TÍNH CHẤT MÔN HỌC:

- Vị trí: Kinh tế học vĩ mô là một môn khoa học xã hội thuộc khối kiến thức cơ sở của học sinh, sinh viên khối ngành kinh tế. Đây là môn cơ sở tự chọn được bố trí học sau các môn chung.

- Tính chất: Kinh tế học vĩ mô là môn học nghiên cứu, phân tích nền kinh tế một cách tổng thể qua các biến số như tổng sản phẩm quốc gia, tỷ lệ lạm phát, tỷ lệ thất nghiệp..., là cơ sở để học các môn chuyên môn của ngành.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Kiến thức:

+ So sánh được sự khác nhau của tổng sản phẩm quốc nội GDP và tổng sản phẩm quốc dân GNP

+ Định nghĩa được chính sách tài khóa, chính sách ngoại thương, chính sách tiền tệ của chính phủ và các công cụ để thực hiện chính sách tiền tệ;

+ Trình bày được lý thuyết tổng cung và tổng cầu,

+ Xác định được các trường hợp khi nào tổng cung, tổng cầu dịch chuyển; + Giải thích được những thay đổi kinh tế ảnh hưởng đến đời sống xã hội như thế nào

- Kỹ năng:

+ Tính được GDP và GNP của một quốc gia;

- + Phân biệt được các tình trạng thâm hụt, thặng dư hay cân bằng của ngân sách nhà nước và cán cân thương mại;
- + Xác định được tổng cung, tổng cầu, tính được sản lượng quốc gia, tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số giá tiêu dùng....
- + Giải thích được những thay đổi kinh tế có ảnh hưởng đến đời sống người dân như hiện tượng lạm phát và thất nghiệp, tăng trưởng GDP, tăng lãi suất...
- + Đánh giá được tác động của lạm phát và thất nghiệp đối với nền kinh tế
- + So sánh được các chính sách kinh tế vĩ mô là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chủ động, tích cực trong việc học tập, nghiên cứu môn học; tiếp cận và giải quyết các vấn đề kinh tế hiện đại phù hợp với xu thế phát triển hiện nay.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

CHƯƠNG 1 ĐO LƯỜNG THU NHẬP QUỐC GIA

CHƯƠNG: CKT208- 01

Giới thiệu:

Chương này trình bày các khái niệm liên quan đến thu nhập của một quốc gia: GDP, GNP

Mục tiêu:

- Kiến thức: So sánh được sự khác nhau của tổng sản phẩm quốc nội GDP và tổng sản phẩm quốc dân GNP, mô tả được 3 cách tính GDP
- Kỹ năng: Tính được GDP và GNP của một quốc gia
- Thái độ: Nghiêm túc, chủ động, tích cực trong quá trình nghiên cứu, học tập

Nội dung:

1. TỔNG SẢN PHẨM QUỐC NỘI GDP

1.1 Khái niệm

“Tổng sản phẩm quốc nội viết tắt là GDP (Gross Domestic Product) là giá trị của toàn bộ lượng hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được tạo ra trên lãnh thổ một nền kinh tế tính trong một thời kỳ (thường là 1 năm)”. Để hiểu thấu đáo cụm từ này ta phải lưu ý tới nội dung chuyển tải của từng cụm từ:

Cụm từ *GDP là giá trị*: là mọi hàng hoá dịch vụ tạo ra trong nền kinh tế đều được quy về giá trị tính bằng tiền hay tính theo giá cả của hàng hoá được người mua và người bán chấp nhận trên thị trường hàng hoá và dịch vụ

Cụm từ *toàn bộ lượng hàng hoá và dịch vụ*: nói lên rằng GDP tìm cách tính toán hết tất cả các hàng hoá dịch vụ được sản xuất ra và bán hợp pháp trên thị trường. Nó bao gồm giá thị trường không chỉ của các sản phẩm nông nghiệp như: gạo, ngô, khoai, thịt lợn, thịt bò... của các sản phẩm công nghiệp như: ô tô, xe máy, quần áo, giày dép... còn của các loại dịch vụ như du lịch, giáo dục, y tế... Mặc dù vậy cũng có một số sản phẩm không được tính trong GDP do việc đo lường chúng quá khó khăn như các sản phẩm tự sản tự tiêu trong các hộ gia đình như rau củ trong

vườn nhà hay các dịch vụ sửa chữa nhỏ lẻ tại gia đình. GDP cũng không tính tới các sản phẩm giao dịch bất hợp pháp.

Cụm từ *cuối cùng*: nhấn mạnh rằng GDP chỉ bao gồm giá trị của các hàng hoá cuối cùng. Hàng hoá cuối cùng là những sản phẩm cuối cùng của quá trình sản xuất và chúng được người mua sử dụng dưới dạng sản phẩm hoàn chỉnh. Đó là những hàng hoá bán cho những người sử dụng cuối cùng. Phân biệt hàng hoá cuối cùng là để khắc phục hiện tượng tính trùng lặp trong đo lường GDP. Ví dụ tính GDP trong sản xuất xe máy. Sẽ là vô nghĩa nếu cộng tất cả giá trị của sản lượng cao su, lốp xe máy, xe máy được tạo ra trong một nền kinh tế lại với nhau. Bởi vì giá trị của lốp xe đã tính đến giá trị của cao su dùng sản xuất ra lốp xe là những hàng hoá trung gian. Hàng hoá trung gian là những hàng hoá như vật liệu là các bộ phận được dùng trong quá trình sản xuất ra những hàng hoá khác.

GDP là giá trị hàng hóa và dịch vụ cuối cùng tạo ra trên lãnh thổ một nước, không kể quốc tịch nào. Nên trong GDP bao gồm:

♣ Giá trị do công dân một nước tạo ra trên lãnh thổ gọi tắt là (A)

♣ Giá trị do công dân nước khác tạo ra trên lãnh thổ gọi tắt là (B). Phần này còn gọi là thu nhập do nhập khẩu các yếu tố sản xuất từ nước ngoài.

$$\Rightarrow \text{Vậy } GDP = A + B \quad (1)$$

1.2 Cách tính

1.2.1 Giá để tính GDP

♣ Giá hiện hành: Là loại giá hiện đang lưu hành ở mỗi thời điểm. Tính GDP theo giá hiện hành ta được chỉ tiêu GDP danh nghĩa (Nominal GDP). Như vậy, sự gia tăng của GDP danh nghĩa qua các năm có thể do lạm phát gây nên.

♣ Giá cố định: Là giá hiện hành của năm gốc. Đó là năm có nền kinh tế tương đối ổn định nhất. Giá của năm đó là giá gốc để ban hành bảng giá cố định. Tính GDP theo giá cố định ta được chỉ tiêu GDP thực tế (Real GDP). Trong thực tế, người ta tính GDP thực tế bằng cách:

$$GDP_r = \frac{GDP_n}{D\%}$$

GDP_n: GDP danh nghĩa

GDP_r: GDP thực tế

D%: hệ số giảm phát GDP là một loại chỉ số giá toàn bộ, phản ánh mức trượt giá của mặt bằng giá ở kỳ hiện hành so với kỳ gốc.

♣ Giá thị trường (mp - Market price): là giá mà người mua phải trả để sử dụng sản phẩm, dịch vụ. Đây là loại giá dễ tập hợp nhất. Tuy nhiên, giá thị trường bao hàm cả thuế gián thu nên khi chính phủ tăng thuế thì GDP tính theo giá thị trường sẽ gia tăng. Cho nên, để loại trừ ảnh hưởng của thuế vào chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế người ta có thể tính GDP theo chi phí cho yếu tố sản xuất.

♣ Chi phí cho yếu tố sản xuất hay giá yếu tố sản xuất (fc-factor cost): Là chi phí của các yếu tố sản xuất đã sử dụng để tạo ra sản phẩm, dịch vụ. Như vậy, giá thị trường và giá yếu tố sản xuất phản ánh cơ cấu của giá và chúng chênh lệch nhau bởi bộ phận thuế gián thu.

1.2.2 Các phương pháp tính GDP

a. Phương pháp sản xuất

Tập hợp tổng giá trị gia tăng tạo ra trên lãnh thổ quốc gia trong một thời kỳ.

$$GDP = \sum V.A_i$$

Với V.A_i (V.A - Value Added) giá trị gia tăng của doanh nghiệp i.

V.A_i = giá trị sản xuất của doanh nghiệp i - chi phí trung gian của doanh nghiệp i.

Giá trị sản xuất của doanh nghiệp là giá trị của toàn bộ lượng hàng hóa và dịch vụ mà doanh nghiệp sản xuất được trong năm (ký hiệu là GO: Gross Outputs).

Chi phí trung gian: là chi phí cho hàng hoá và dịch vụ trung gian.

b. Phương pháp chi tiêu

Tập hợp tổng chi tiêu xã hội để mua hàng hóa và dịch vụ tạo ra trên lãnh thổ gồm:

♣ Chi tiêu trong nước để mua hàng nội địa: $C + I + G - M$

♣ Chi tiêu nước ngoài để mua hàng nội địa: X

⇒ Vậy: $GDP = C + I + G + X - M$

c. Phương pháp thu nhập

Tập hợp tổng thu nhập phát sinh trên lãnh thổ bao gồm: tiền lương, tiền lãi, tiền thuê và lợi nhuận. Tuy nhiên, đây chỉ là GDP theo chi phí cho yếu tố sản xuất, nó sẽ không đồng nhất với 2 cách tính trên. Vì vậy, cần điều chỉnh bằng cách cộng thêm vào GDP theo chi phí yếu tố sản xuất các khoản:

Thuế gián thu (T_i)

Khấu hao ($De - Depreciation$) là giá trị tài sản cố định đã hao mòn trong sử dụng...

⇒ Vậy: $GDP = w + i + r + Pr + T_i + De$

Trong đó, bốn dòng thu nhập w, r, i, Pr đều chứa cả thuế trực thu. Phần lợi nhuận Pr bao gồm: lợi nhuận nộp ngân sách (dưới hình thức thuế thu nhập doanh nghiệp), lợi nhuận không chia (để lập quỹ cho doanh nghiệp như quỹ tái đầu tư, quỹ phúc lợi, khen thưởng...) cuối cùng là phần lợi nhuận chia cho chủ doanh nghiệp và cổ đông.

1.2 GDP danh nghĩa và GDP thực tế

GDP danh nghĩa là giá trị sản lượng hàng hoá và dịch vụ tính theo giá hiện hành. Sản phẩm sản xuất ra trong thời kỳ nào thì lấy giá của thời kỳ đó

$$GNP_n^t = \sum Q_i^t P_i^t$$

Trong đó

i biểu thị mặt hàng cuối cùng thứ i với $i=1,2,3\dots n$

t biểu thị cho thời kỳ tính toán

q biểu thị từng mặt hàng, q_i là lượng của mặt hàng thứ i

p biểu thị giá của từng mặt hàng, p_i là giá của mặt hàng i

Nếu GDP danh nghĩa năm sau cao hơn năm trước, điều này cho thấy có thể nền kinh tế đã tạo ra số lượng sản phẩm lớn hơn năm trước hoặc giá bán năm sau cao hơn năm trước hoặc cả số lượng và giá bán năm sau cao hơn năm trước. GDP danh nghĩa không cho biết chi tiết sự gia tăng của nó chủ yếu là do đóng góp của sự tăng về giá hay số lượng.

Nghiên cứu kinh tế theo thời gian các nhà kinh tế muốn tách biệt riêng 2 hiệu ứng trên. Cụ thể họ muốn có một chỉ tiêu về tổng lượng hàng hoá và dịch vụ được nền kinh tế tạo ra mà nó không bị tác động bởi sự thay đổi về giá cả của các hàng hoá dịch vụ. Để làm được điều này các nhà kinh tế sử dụng chỉ tiêu GDP thực tế

GDP thực tế là giá trị sản lượng hàng hoá và dịch vụ hiện hành của nền kinh tế được đánh giá theo mức giá cố định của năm cơ sở (năm gốc)

$$GDP_r^t = \sum_{i=1}^n Q_i^t P_i^0$$

Nếu GDP thực tế năm sau cao hơn năm trước thì đây chỉ là sự biến động về sản lượng năm sau cao hơn năm trước, còn giá cả giữ cố định ở năm gốc. Mục tiêu tính toán là để nắm bắt được hiệu quả hoạt động của toàn bộ nền kinh tế do đó GDP thực tế phản ánh kết quả của nền kinh tế tốt hơn GDP danh nghĩa.

Sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của biến động giá cả, thì tốc độ tăng trưởng kinh tế đó là tỷ lệ % thay đổi của GDP thực tế của thời kỳ này so với thời kỳ trước

$$g^t = \frac{GDP_r^t - GDP_r^{t-1}}{GDP_r^{t-1}} * 100\%$$

2. CÁC CHỈ TIÊU KHÁC

2.1 Tổng sản phẩm quốc dân GNP

Tổng sản phẩm quốc dân viết tắt là GNP (Gross National Product) là giá trị của toàn bộ lượng hàng hóa và dịch vụ cuối cùng do công dân một nước tạo ra được tính trong một thời kỳ (thường là một năm)

GNP là giá trị hàng hóa và dịch vụ cuối cùng do công dân một nước tạo ra không kể họ đang ở đâu, nên trong GNP cũng bao gồm:

♣ Giá trị do công dân một nước tạo ra trên lãnh thổ (A)

♣ Giá trị do công dân một nước tạo ra trên lãnh thổ nước khác, gọi tắt là (C). Phần này còn được gọi là thu nhập do xuất khẩu các yếu tố sản xuất ra nước ngoài.

$$\Rightarrow \text{Vậy } GNP = A + C$$

$GNP = GDP + \text{Thu nhập do xuất khẩu các yếu tố sản xuất} - \text{Thu nhập do nhập khẩu các yếu tố sản xuất}.$

$$\Rightarrow \text{Vậy: } GNP = GDP + NIA$$

Với NIA (Net Income Abroad): Thu nhập ròng từ nước ngoài, là hiệu số của thu nhập do xuất khẩu yếu tố sản xuất và thu nhập do nhập khẩu yếu tố sản xuất.

$$GNP = \sum_{i=1}^n Q_i P_i$$

Trong đó:

- GNP là tổng sản phẩm quốc dân
- Q_i : Số lượng sản phẩm loại i
- P_i : Giá cả bình quân sản phẩm loại i
- n : Số loại sản phẩm được sản xuất trong nền kinh tế

Tổng sản phẩm quốc dân là thước đo kinh tế cơ bản về hoạt động của nền kinh tế:

-Tổng sản phẩm quốc dân tính theo giá hiện hành là tổng sản phẩm quốc dân danh nghĩa GNP_{dn}

-Tổng sản phẩm quốc dân tính theo giá cố định của một thời điểm nào đó là tổng sản phẩm quốc dân thực tế GNP_{tt}

Ví dụ: Có bảng số liệu về mức giá cả chung và tổng sản phẩm sản xuất của một quốc gia qua các năm như sau:

Năm	2011	2012	2013	2014	2015	2016
P _i	P11	P12	P13	P14	P15	P16
Q _i	Q11	Q12	Q13	Q14	Q15	Q16

Ta tính được GDP danh nghĩa và GDP thực tế như sau:

Năm	2011	2012	2013	2014	2015	2016
GNP _{dn}	P11*Q11	P12*Q12	P13*Q13	P14*Q14	P15*Q15	P16*Q16
GNP _{tt}	P11*Q11	P11*Q12	P11*Q13	P11*Q14	P11*Q15	P11*Q16

Tổng GNP_{dn} thường tăng nhanh hơn tổng GNP_{tt}, sự khác nhau căn bản là:

-Sự thay đổi của GNP_{tt} là do biến động về sản lượng sản xuất ra của mỗi quốc gia trong mỗi thời kỳ

-Sự thay đổi của GNP_{dn} là do sự biến động về sản lượng và cả mức giá cả chung trong một thời kỳ nào đó của mỗi một quốc gia

Tăng trưởng kinh tế: Là sự gia tăng mức sản xuất mà nền kinh tế tạo ra theo thời gian. Tăng trưởng kinh tế được tính bằng % thay đổi của sản lượng thực tế thời kỳ sau so với thời kỳ trước

$$D^t = \frac{(GNP_{TT}^t - GNP_{TT}^{t-1})}{GNP_{TT}^{t-1}} * 100\%$$

Trong đó:

D^t : Tốc độ tăng trưởng thời kỳ t

GNP_{TT}^t : Tổng sản phẩm quốc dân thực tế thời kỳ t

GNP_{TT}^{t-1} : Là tổng sản phẩm quốc dân thực tế thời kỳ t-1

Tăng trưởng kinh tế tính bằng GNP được sử dụng khi nền kinh tế của quốc gia đó phụ thuộc đáng kể vào thu nhập nước ngoài.

Tăng trưởng kinh tế là mục tiêu số một trong các chính sách vĩ mô của mỗi một quốc gia. Tăng trưởng cao, tăng năng suất lao động, nâng cao mức sống, khả năng phát triển ở nước ngoài, sự ổn định chi phí và giá cả là các mục tiêu kinh tế của các chính phủ ở các nước.

Sự tăng trưởng tạo điều kiện để nâng cao mức sống và đảm an ninh quốc gia. Nó kích thích các doanh nghiệp táo bạo trong đầu tư, khích lệ đổi mới về kỹ thuật và quản lý. Một nền kinh tế tăng trưởng tạo thuận lợi cho tính năng động về mặt kinh tế, xã hội.

2.2 Chỉ tiêu NNP NI

Sản phẩm quốc dân ròng (Net national product-NNP) bằng GNP trừ đi khấu hao. Khấu hao là sự hao mòn của tài sản cố định như nhà xưởng, thiết bị, máy móc của nền kinh tế. Ta có:

$$NNP = GNP - Dep$$

Thu nhập quốc dân (National income-NI) bằng NNP trừ thuế gián thu ròng:

$$NI = NNP - Te$$

CÂU HỎI CHƯƠNG 1

1. Những nhận định nào dưới đây thuộc phạm vi nghiên cứu của kinh tế học vi mô và những nhận định nào thuộc phạm vi nghiên cứu của kinh tế học vĩ mô?

- Đánh thuế cao vào mặt hàng rượu bia sẽ hạn chế số lượng bia được sản xuất.
- Thất nghiệp trong lực lượng lao động đã tăng nhanh vào thập niên 2000.
- Thu nhập của người tiêu dùng tăng sẽ làm cho người tiêu dùng chi tiêu nhiều hơn.
- Người công nhân nhận được lương cao hơn sẽ mua nhiều hàng xa xỉ hơn.
- Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế năm nay cao hơn năm qua.
- Các doanh nghiệp sẽ đầu tư vào những ngành có tỷ suất lợi nhuận cao.

2. Một nền kinh tế đơn giản có số liệu thông kê

Ngành	Giá năm 2016	Lượng năm 2017	Giá năm 2018	Lượng năm 2019
Sữa	\$ 50	10.000 kg	\$60	9.000 kg
TV	\$500	1.500 đv	\$ 400	5.000 đv
Điện năng	\$ 1	20.000 kwh	\$ 2	100.000kwh

Yêu cầu:

- Hãy tính GDP danh nghĩa cho quốc gia này vào các năm
- Hãy tính GDP thực của quốc gia này vào các năm với năm gốc là 2016.

3. Hãy giải thích mỗi giao dịch kinh tế sau đây sẽ ảnh hưởng như thế nào đến GDP Việt Nam? Những yếu tố cấu thành nào của GDP sẽ chịu ảnh hưởng (nếu có)?

- a. Hãng đại lý Honda (chuyên bán Honda nhập khẩu) tại thành phố Hồ Chí Minh giảm 500 tỷ đồng lượng hàng tồn kho của hãng.
- b. Chính phủ tăng 10% lượng cho giáo viên các trường công lập.
- c. Ông A bán lại 100 cổ phiếu của một công ty cổ phần.
- d. Cô Lê bán lại chiếc xe hơi đang sử dụng cho người bạn với giá 100 triệu đồng.
- d. Công ty kẹo La Ngà sản xuất ra trong năm 100 nghìn tấn kẹo, nhưng chỉ bán được 80% cho các đơn vị sản xuất bánh kẹo.
- e. Siêu thị máy tính Nguyễn Hoàng vừa tăng 500 máy tính nhập từ Singapore về.
- f. Do thay đổi công tác, bạn đã bán một ngôi nhà ở Hà Nội trong năm.
- k. Một nhà hàng hải sản mua một lượng cá 500 nghìn đồng từ chợ cá.

4. Hãy giải thích mỗi giao dịch kinh tế sau đây sẽ ảnh hưởng như thế nào (tăng, giảm, không ảnh hưởng) đến GNI Việt nam?

- a) Bà Lan bán căn nhà mà bà mua cách đây 5 năm
- b) Hãng Honda Việt nam nhập khẩu một lượng linh kiện từ Trung Quốc
- c) Lợi nhuận của công ty ACER ở thành phố Hồ Chí Minh, công ty 100% vốn nước ngoài, tăng 10%
- d) Chính phủ tăng chi trợ cấp khó khăn cho giáo viên miền núi 10%
- e) Năm 2004 Công ty thương mại Huy Hoàng nhập khẩu một lô hàng có giá trị 100 tỷ, 80% lượng hàng hóa đó được bán hết trong năm
- f) Một khách du lịch người Hà Lan hút thuốc ở thành phố Hồ Chí Minh

CHƯƠNG 2 CHÍNH SÁCH TÀI KHOẢN VÀ NGOẠI THƯƠNG

MÃ CHƯƠNG: CKT208- 02

Giới thiệu:

Chương này giải thích về chính sách tài khoản và chính sách ngoại thương của chính phủ. Phân biệt các tình trạng của ngân sách nhà nước và cán cân thương mại

Mục tiêu:

- Kiến thức: Định nghĩa được chính sách tài khoản và chính sách ngoại thương
- Kỹ năng: Phân biệt được các tình trạng thâm hụt, thặng dư hay cân bằng của ngân sách nhà nước và cán cân thương mại
- Thái độ: Tích cực, chủ động trong quá trình học tập, nghiên cứu

Nội dung:

1. CÁC THÀNH PHẦN CỦA TỔNG CẦU

1.1 Tiêu dùng

Chỉ tiêu tiêu dùng C của các hộ gia đình là lượng chi tiêu của các hộ gia đình để mua sắm những tài liệu sinh hoạt hằng ngày của hộ gia đình trong giới hạn của thu nhập khả dụng (Yd) có được.

Tiêu dùng của dân cư phụ thuộc vào nhiều yếu tố:

- Phụ thuộc vào tiền lương và tiền công
- Phụ thuộc vào của cải hay tài sản, bao gồm cả tài sản thực và tài sản tài chính
- Những yếu tố xã hội như tâm lý, tập quán, thói quen chi tiêu của người tiêu dùng
- Cơ cấu của tiêu dùng thay đổi khi thu nhập thay đổi

Khi nền kinh tế có chính phủ can thiệp: